

Bản án số: 578/2018/HS-PT
Ngày 24-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Anh Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vinh Quang;

Ông Vũ Minh Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hà, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Nguyễn Thế Nho, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự Thụ lý số 372/2017/TLPT-HS ngày 25 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị Th do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 94/2017/HSST ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983; nơi ĐKKHKT: phường Q, quận Đ, TP Hà Nội; nơi ở: phường T, Quận A, TP Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Văn A và bà Hoàng Thị H; gia đình có 03 chị em, bị can là con thứ nhất; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; ra đầu thú và tạm giữ từ ngày 21/11/2014 đến ngày 30/11/2014 thì thay đổi biện pháp ngăn chặn: Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/11/2014. Hiện bị cáo tại ngoại nhưng đã bỏ trốn và đang bị truy nã theo Quyết định truy nã số 09 ngày 12/12/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội.

*** Người bào chữa cho bị cáo Th:** Luật sư Hồ Thị Thanh T - Văn phòng luật sư Kết nối thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

* **Người bị hại:** Anh Mai Đình T, sinh năm 1980; trú tại: phường Q, quận C, thành phố Hà Nội.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1973; trú tại: phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án hình sự sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/5/2012, anh Mai Đình T gửi đơn đến Công an quận H tố cáo Nguyễn Thị Th lừa đảo chiếm đoạt của anh số tiền 900.000.000 đồng thông qua việc mua bán nhà, đất ở: phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào các tài liệu thu thập được, ngày 14/12/2012, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận H, thành phố Hà Nội đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Th về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do bị can bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận H ra Quyết định Tạm đình chỉ điều tra. Đến ngày 21/11/2014, Th đầu thú tại Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Qua điều tra đã xác định:

Ngày 25/5/2010, vợ chồng anh Nguyễn Danh L, chị Trịnh Thị Nguyên P và Nguyễn Thị Th làm Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 66 (5), tờ bản đồ số 14, địa chỉ: Tổ 10, phường Đ, quận H, Hà Nội, diện tích 31,3 m² (Địa chỉ: số 21 ngõ 18/75 Đ, H, Hà Nội) tại Văn phòng công chứng V, quận B, Hà Nội. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ngày 20/7/2010 Th đã được Ủy ban nhân dân quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 022071, số vào sổ cấp GCN: CH00237HĐ1528/238Q1/2010. Do cần tiền nên ngày 14/9/2010, Th đã thế chấp bằng quyền sử dụng đất trên tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Thăng Long để vay tiền. Tại thời điểm mảnh đất đang thế chấp tại Ngân hàng, do cần tiền trả nợ Ngân hàng và kinh doanh, nên Th muốn bán nhà đất trên. Thông qua anh Vũ Văn T, HKTT: Xã Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên là bạn giới thiệu anh Nguyễn Xuân H biết và gặp Th. Th dẫn anh H đi xem mảnh đất và ngôi nhà ở số 21 ngõ 18/75 Đ, H, Hà Nội. Th nói với anh H ngôi nhà trên Th đứng tên chủ sở hữu, hiện Th đang thế chấp tại Ngân hàng Techcombank - Chi nhánh Thăng Long. Do có nhu cầu mua nhà để đầu tư nên anh H và Th thỏa thuận chuyển nhượng mảnh đất trên với giá là 1.500.000.000 đồng. Ngày 10/11/2011, anh H giao cho Th số tiền 1.000.000.000 đồng tại Ngân

hàng Techcombank - Chi nhánh Thăng Long để Th trả nợ Ngân hàng khoản tiền Th vay, giải chấp lấy sổ đỏ ra giao cho anh H, cùng đi có anh Thái. Sau khi rút được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Th cùng với anh H và anh Thái ra quán Cafe ở khu vực Hồ Đắc Di. Tại đây, sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh H trả nốt cho Th số tiền 500.000.000 đồng, Th đã viết “Giấy biên nhận” đề ngày 10/11/2011 với nội dung: Th nhận 1.500.000.000 đồng để chuyển nhượng quyền sử dụng nhà đất trên cho anh H, anh Thái ký người làm chứng. Đến ngày 14/01/2012, Nguyễn Thị Th làm thủ tục ký Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất trên cho anh Nguyễn Xuân H tại Văn phòng công chứng Độc Lập ở Cơ sở 2 số 27 phố Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Sau đó, anh H đã làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngày 16/3/2012 Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh H đã làm thủ tục sang tên nhà đất trên đứng tên Nguyễn Xuân H.

Sau khi nhận chuyển nhượng với Th xong, anh H không đến nhà để ở mà chỉ khóa cửa để vậy.

Đến ngày 27/6/2012, anh H đã làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất cho ông Lê Văn S, HKTT: thị trấn S, huyện S, Hà Nội tại Văn phòng công chứng Việt. Hiện nay, gia đình anh Lê Ngọc A là con trai ông S đang sinh sống tại đây.

Sau khi Th đã chuyển nhượng nhà đất trên cho anh Nguyễn Xuân H, đến tháng 01/2012, Th lại nói với bạn là chị Đỗ Thị Y, HKTT: khu đô thị N, phường T, quận C, Hà Nội có ngôi nhà ở số 18/75 Đ, H, Hà Nội muốn bán. Chị Y nói lại với anh họ là anh Mai Đình T, trú tại: tập thể V, phường Q, quận C, Hà Nội đang có nhu cầu mua để ở. Anh T đã gặp Th để hỏi về việc bán nhà, khi gặp Th nói với anh T có 01 ngôi nhà 03 tầng xây trên diện tích đất 31,3m² ở địa chỉ số 21, ngõ 18/75 Đ, H, Th có đưa cho anh T bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất trên do Th đứng tên. Th nói với anh T thửa đất trên đang thế chấp tại Ngân hàng nên Th phải trả tiền Ngân hàng và đề nghị anh T đặt cọc trước tiền mua nhà để Th trả Ngân hàng, giải chấp lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được Th đưa anh T và chị Y đến xem nhà ở số 21, ngõ 18/75 Đ, H. Do tin tưởng Th nên anh T đồng ý mua với giá 1.500.000.000 đồng. Ngày 17/01/2012, tại số 44 Chùa Hà, phường D, quận C, anh T giao cho Th số tiền 600.000.000 đồng để mua mảnh đất của Th, có chị Y chứng kiến. Đồng thời, Th viết giấy biên nhận có nội dung: “Th có nhận 600.000.000 đồng để bán căn nhà phường Đ số tiền còn lại anh T hẹn đến ngày 1/3 sẽ bàn giao đủ cho tôi, đồng thời tôi bàn giao căn nhà nói trên cho anh T và hoàn tất thủ tục nói trên cho anh T”. Đến ngày 17/02/2012, cũng tại phường D, quận C, anh T tiếp tục giao

cho Th số tiền 300.000.000 đồng, Th viết biên nhận vào Giấy biên nhận ngày 17/01/2012 có nội dung: “Th có nhận của anh T số tiền bán nhà là 300.000.000 đồng, số tiền còn lại sau khi xong sổ đỏ sang tên anh T sẽ hoàn trả nốt”. Sau đó, Th không thực hiện như đã hứa mà bỏ trốn khỏi nơi cư trú, không liên lạc và không trả lại số tiền trên cho anh Mai Đình T.

Tại Bản cáo trạng số 259/CT-VKS-P3 ngày 21 tháng 6 năm 2016 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố Nguyễn Thị Th về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 94/2017/HSST ngày 13/4/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị Th 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 21/11/2014 đến ngày 30/11/2014.

Về bồi thường dân sự:

Áp dụng Điều 41; khoản 2 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; buộc bị cáo Nguyễn Thị Th phải bồi thường cho anh Mai Đình T, trú tại: tập thể V, phường Q, quận C, Hà Nội số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/4/2017, bị cáo Nguyễn Thị Th kháng cáo với nội dung kêu oan.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích tính chất, mức độ về hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tài liệu có trong hồ sơ nên đề nghị Hội đồng phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo kêu oan của Nguyễn Thị Th; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa xác định tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ. Tuy nhiên, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, bồi thường được 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng cho người bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm một phần hình phạt cho bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH VỀ VỤ ÁN

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Th kháng cáo. Tại phiên toà phúc thẩm ngày 09/10/2017 bị cáo vắng mặt. Ngày 10/10/2017 Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội ban hành Lệnh bắt và tạm giam số 2153/2017HSPT-LBTG đối với bị cáo Nguyễn Thị Th. Tại văn bản số 734/CSĐT-PC44-DD3 ngày 13/12/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội gửi Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội với nội dung: Thực hiện Lệnh bắt trên nhưng bị cáo Nguyễn Thị Th không ở nơi cư trú nên ngày 12/12/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định truy nã số 09 đối với bị cáo Nguyễn Thị Th.

Xét thấy, ngày 30/11/2014 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận H thành phố Hà Nội ban hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị can Nguyễn Thị Th và chỉ được phép cư trú tại phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh nhưng trong thời gian chờ xét xử phúc thẩm bị cáo Th đã trốn khỏi địa phương. Hiện nay cơ quan điều tra vẫn chưa bắt được bị cáo nên căn cứ vào qui định tại Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Toà án cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Nguyễn Thị Th.

[1] Về nội dung: Tại Cơ quan điều tra, bị can Nguyễn Thị Th không thừa nhận việc Th chuyển nhượng quyền sử dụng nhà đất cho anh Nguyễn Xuân H, theo Th khai: Việc Th viết “giấy biên nhận” đề ngày 10/11/2011 với nội dung Th có nhận 1.500.000.000 đồng để chuyển nhượng quyền sử dụng nhà đất trên cho anh H chỉ là để đảm bảo cho khoản tiền vay của anh H. Cũng như việc ngày 14/01/2012, Nguyễn Thị Th ký Hợp đồng chuyển nhượng diện tích đất và tài sản gắn liền với đất trên tại Văn phòng công chứng Độc Lập cho anh H; Th và anh H có thỏa thuận lập Hợp đồng chuyển nhượng này để làm tin cho khoản tiền vay của anh H. Ngoài bản hợp đồng này, Th và anh H có bản phụ lục tại Văn phòng công chứng Độc Lập thể hiện nội dung trên nhưng Th không xuất trình được tài liệu này. Kết quả đối chất giữa anh Nguyễn Xuân H và Nguyễn Thị Th vẫn giữ nguyên như lời khai tại Cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra đã xác minh tại Văn phòng công chứng Độc Lập xác định: Ngày 14/01/2012, có công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Th và anh Nguyễn Xuân H, ngoài ra không lập bất kỳ một văn bản nào khác liên quan đến nhà, đất nêu trên giữa anh H và Th. Do đó, không có căn cứ để xác định theo lời khai của Th.

Đối với việc bán nhà đất trên cho anh Mai Đình T, Th khai: Ngày 17/01/2012, thông qua chị Y, Th quen biết anh Mai Đình T. Th giới thiệu với anh T có 31,3 m² đất và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 3 tầng tại: Số 21 ngõ 18/75 Đ, quận H, TP Hà Nội, Th đưa cho anh T xem bản photo sổ đỏ nhà đất

trên đứng tên Th và nói với anh T số đồ gốc đang thế chấp tại Ngân hàng: Th có hỏi vay tiền anh T trả nợ Ngân hàng để vay Ngân hàng khác số tiền nhiều hơn, khi nào vay được tiền Ngân hàng khác sẽ trả nợ anh T. Anh T đồng ý cho Th vay tiền, nhưng anh T yêu cầu Th phải viết giấy nhận 600.000.000 đồng để bán nhà đất trên cho anh T. Ngày 17/01/2012, Th đã viết giấy với nội dung này để đảm bảo cho khoản vay của anh T nhưng thực tế Th chỉ nhận được của anh T là 400.000.000 đồng do bị anh T cắt lãi (Th khai anh T cho Th vay tiền với lãi suất 6.000 đồng/triệu/ngày). Trong đó, Th mua của anh T 01 xe máy Honda SH đã qua sử dụng, giá tiền 185.000.000 đồng và vay 215.000.000 đồng. Khoảng một tháng sau thì Th bán lại xe Honda SH trên cho anh T với giá 185.000.000 đồng. Đến ngày 17/02/2012, anh T đòi nợ và yêu cầu Th trả lãi, Th chưa có tiền trả nên anh T đã ép Th viết giấy nhận của anh T 300.000.000 đồng nhưng thực tế không nhận được tiền. Th đã trả anh T 100.000.000 đồng, nhưng Th không có tài liệu gì chứng minh việc này.

Tại Cơ quan điều tra, anh Mai Đình T và chị Đỗ Thị Y khai: Tú mua nhà đất của Th, không có việc Tú cho Th vay tiền. Kết quả đối chất giữa anh Mai Đình T và Nguyễn Thị Th vẫn giữ nguyên như lời khai tại cơ quan điều tra. Do đó, không có đủ cơ sở xác định theo lời khai của Th.

Xác minh tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận H xác định: Thửa đất 66(5) tờ bản đồ số 14 tại tổ 10, phường Đ, quận H, ban đầu được cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Danh L, bà Trịnh Thị Nguyên P, HKTT: Xã Việt Hùng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Ngày 25/5/2010, tại Văn phòng công chứng V, ông Long, bà Phương làm Hợp đồng công chứng chuyển nhượng nhà đất trên cho Th. Đến 20/7/2010, Ủy ban nhân dân quận H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 022071 đứng tên Nguyễn Thị Th. Ngày 14/01/2012, tại Văn phòng công chứng Độc Lập, Th làm Hợp đồng công chứng chuyển nhượng nhà đất trên cho ông Nguyễn Xuân H. Ngày 16/3/2012, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh H đã hoàn thiện thủ tục sang tên nhà đất trên đứng tên Nguyễn Xuân H. Đến 27/6/2012, tại Văn phòng công chứng Việt, ông H ký Hợp đồng công chứng chuyển nhượng nhà đất trên cho ông Lê Văn S. Đến nay chưa có giao dịch, biến động gì phát sinh.

Ngày 08/11/2012, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận H, thành phố Hà Nội có Quyết định trưng cầu giám định số 531 yêu cầu giám định chữ ký và các chữ Nguyễn Thị Th trên Giấy biên nhận ghi ngày 17/01/2012, giấy nhận tiền ghi ngày 10/11/2011, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/01/2012.

Tại bản kết luận giám định số 3633/C54-P5 ngày 19/11/2012 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Chữ ký đứng tên “Nguyễn Thị Th” và các chữ “Nguyễn Thị Th” trên các tài liệu giấy nhận tiền, hợp đồng là chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Th.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định tài sản nêu trên Th đã chuyển nhượng cho người khác đã hoàn tất thủ tục nhưng sau đó Th lại bán chính tài sản này cho anh T để chiếm đoạt 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng. Xét hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác trái pháp luật và xâm phạm đến an toàn trật tự công cộng sau đó còn bỏ trốn gây cản trở đến công tác điều tra của các cơ quan tiến hành tố tụng. Trong thời gian chờ xét xử phúc thẩm thì bị cáo lại tiếp tục bỏ trốn và đang bị truy nã. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo cũng như lập luận của người bào chữa cho bị cáo mà cần chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Mai Đình T xác nhận bị cáo đã bồi thường cho anh được 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Nay yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp cho anh số tiền chiếm đoạt là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, xử phạt: Nguyễn Thị Th 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 21/11/2014 đến ngày 30/11/2014.

[2] Về bồi thường dân sự:

Áp dụng Điều 41; khoản 2 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; buộc bị cáo Nguyễn Thị Th phải bồi thường cho anh Mai Đình T, trú tại: số 9, ngõ, 260/93, tổ 27, tập thể V, phường Q, quận C, Hà Nội số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục T.H.A DS thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS, VT, Phòng HC-TP TANDCC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Ngô Anh Dũng